CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP KASATI

Ngày 30/06/2025	13,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	17.4%	**4.8%**	**15.6%**

DT thuần
Q2/25
48.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 25.5| 111%
YoY: ▲ 4.10| 9.1%

LN thuần
Q2/25
-1.87
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.74| -315%
YoY: ▼3.07| -256%

LN sau thuế
Q2/25
-0.25
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.78| -147%
YoY: ▼1.15| -128%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
0.4%
YoY: +/-▼ 2.4%

ROE (TTM)
Q2/25
7.8%
YoY: +/-▼ 1.0%

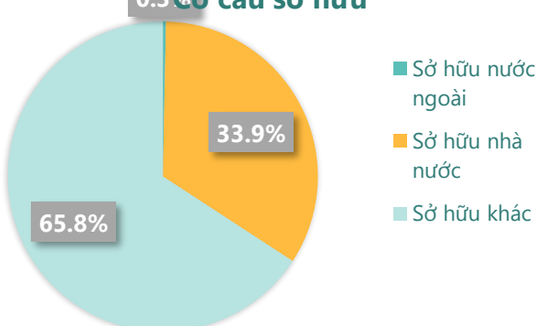
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,657 - 13,796
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	81
Số lượng CPLH (CP)	5,992,020
KLGD BQ 20 phiên (CP)	330
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.18
EPS	936
P/E	14.4

DT thuần
6T 2025
71.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼168| -70.1%

LN thuần
6T 2025
-1.00
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.36| -116%

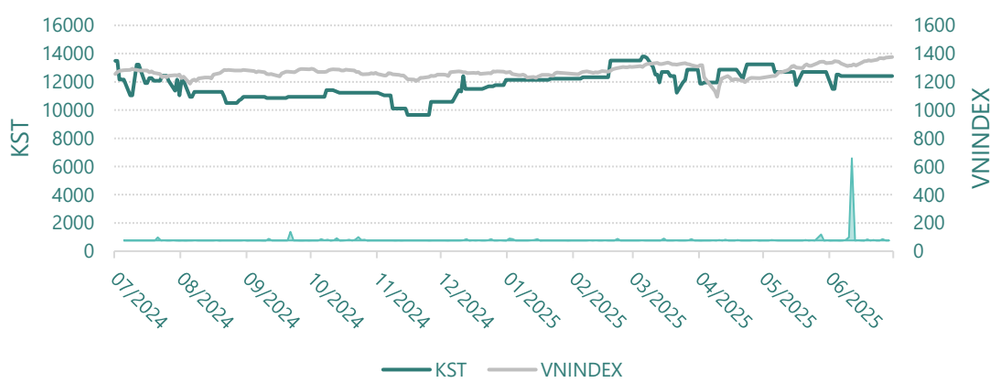
LN sau thuế
6T 2025
0.28
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.74| -94.5%

Cơ cấu sở hữu

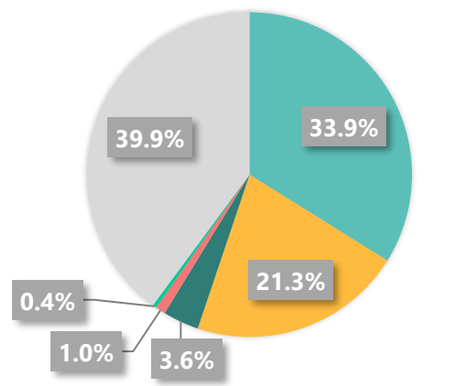


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



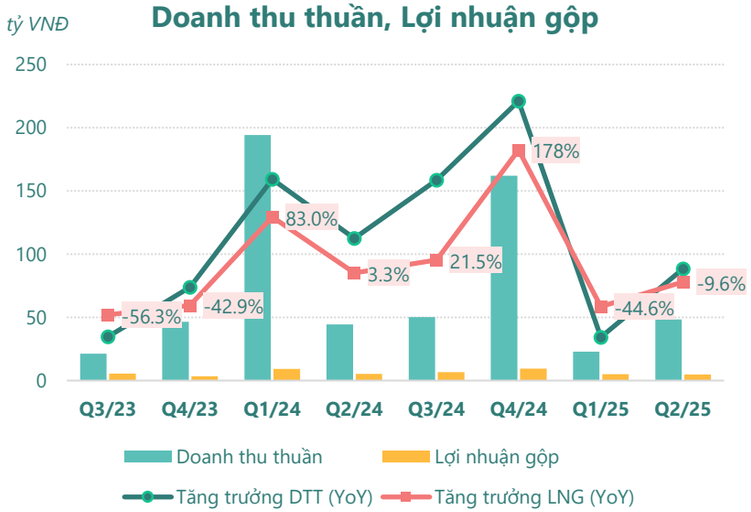
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

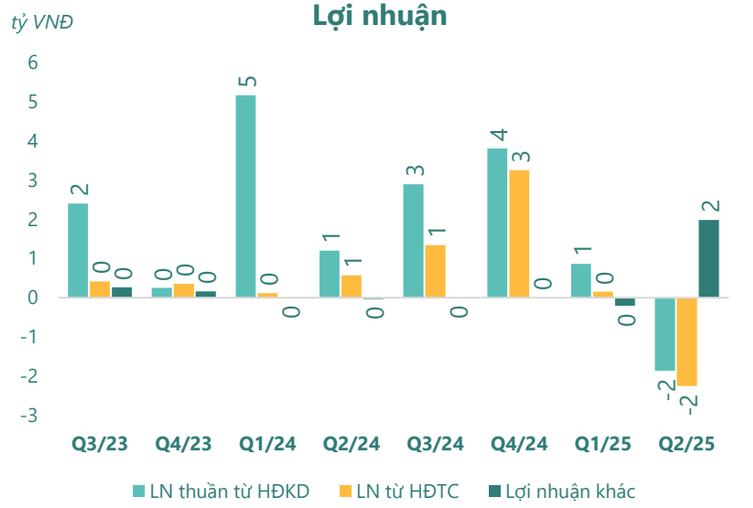
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



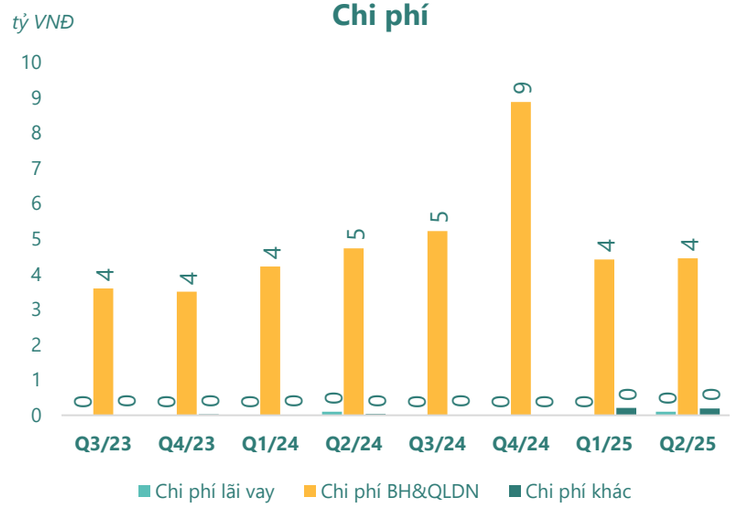
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



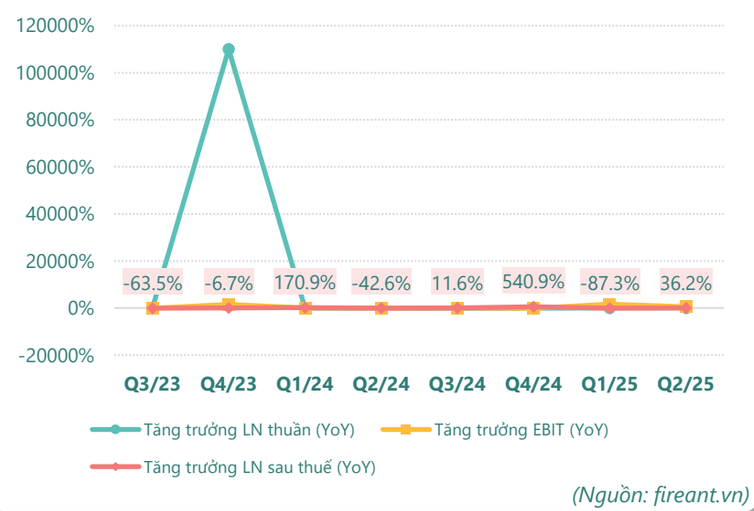
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



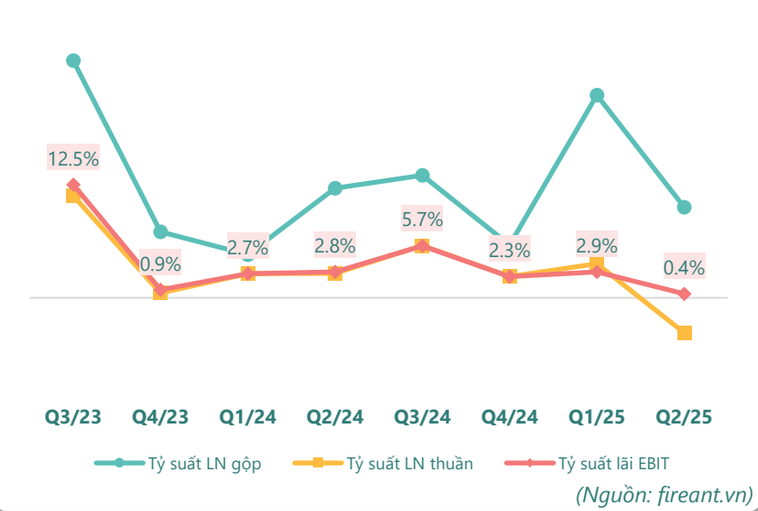
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



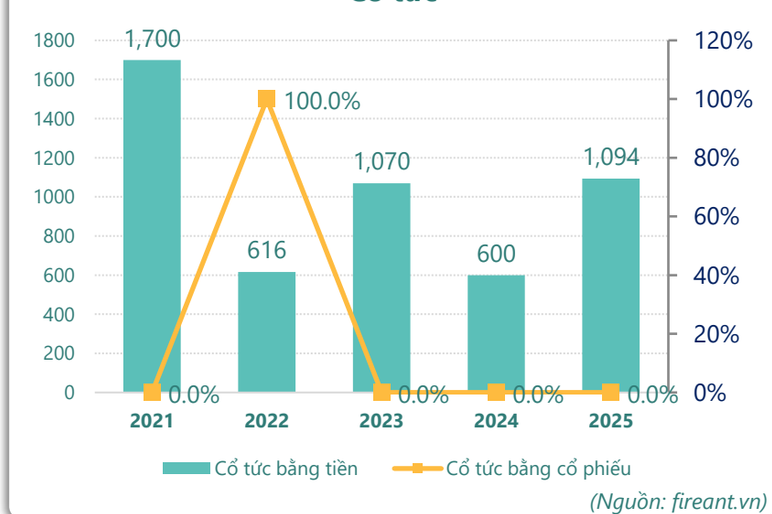
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

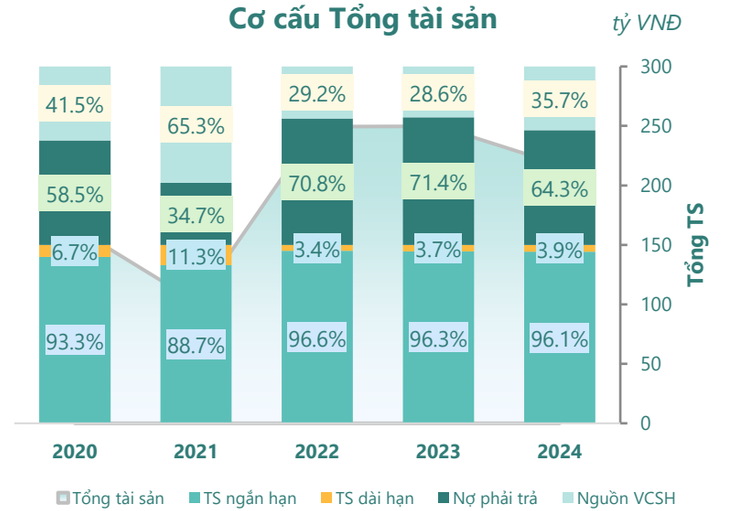
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

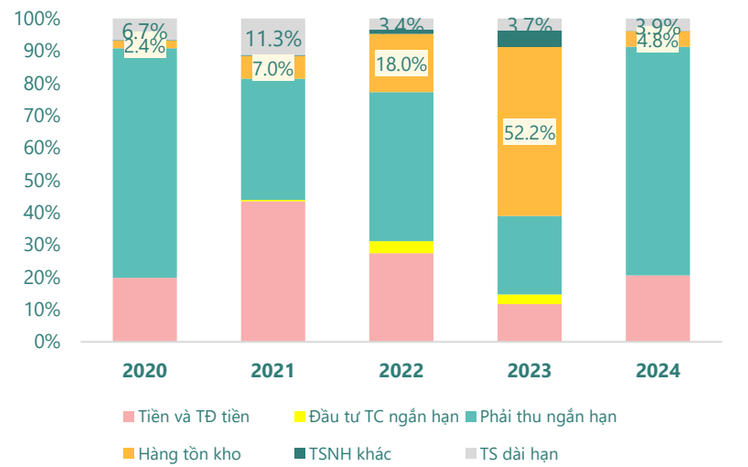
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



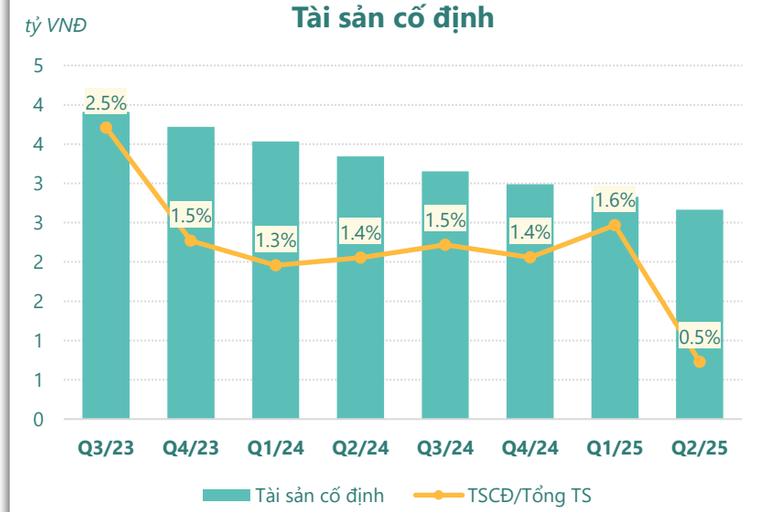
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



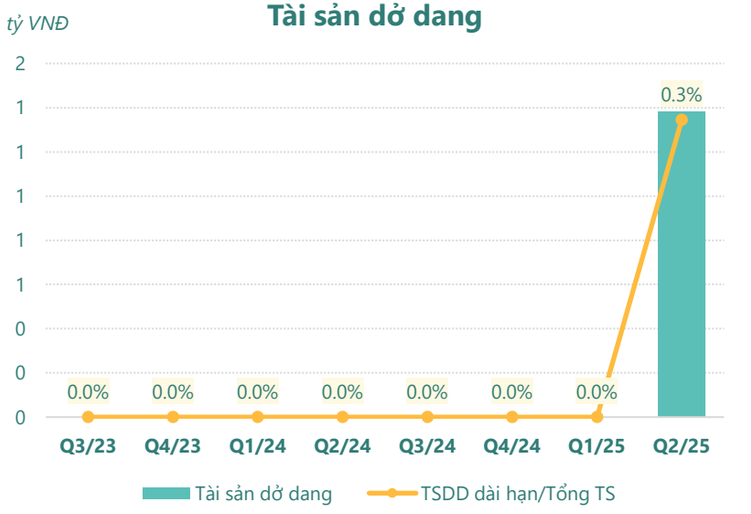
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



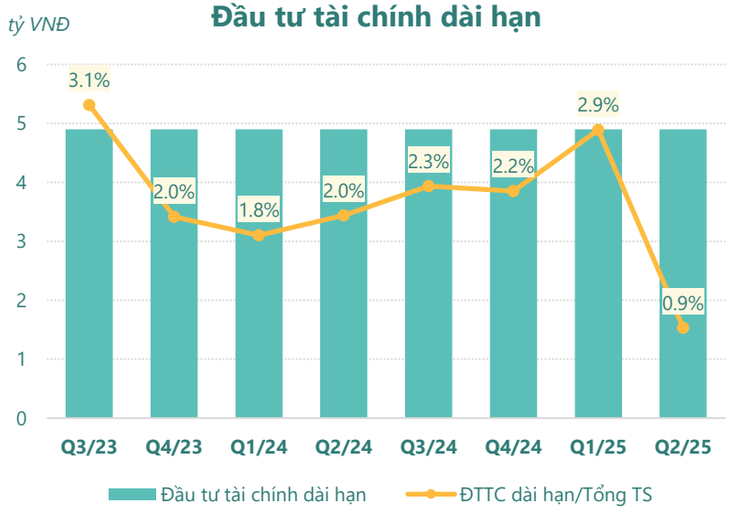
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



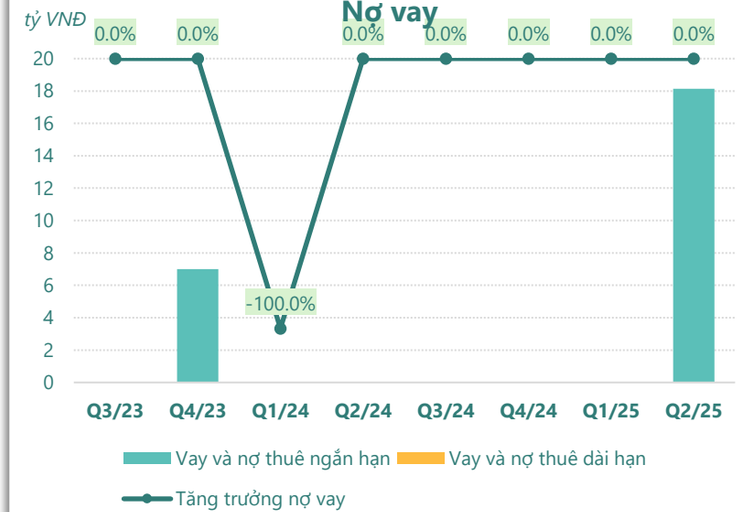
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

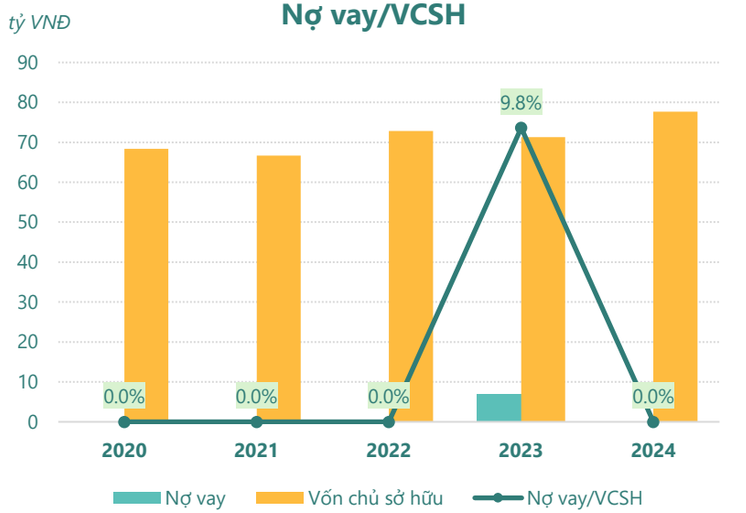
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

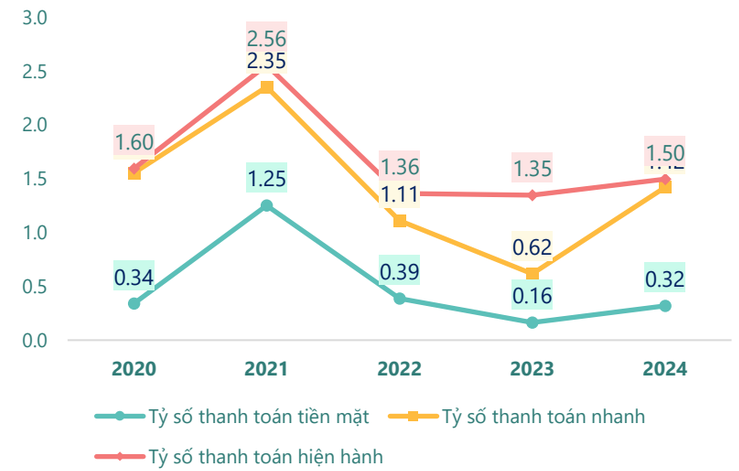
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



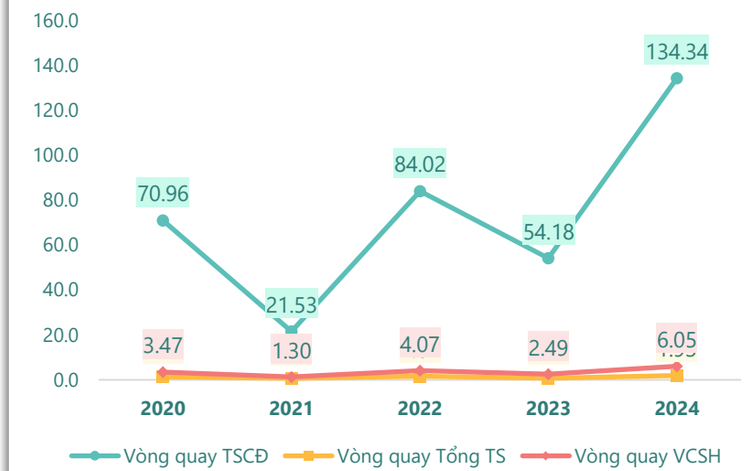
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



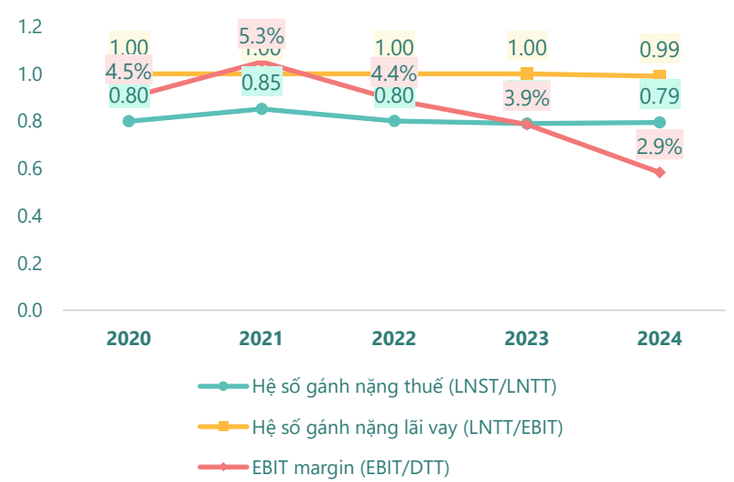
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



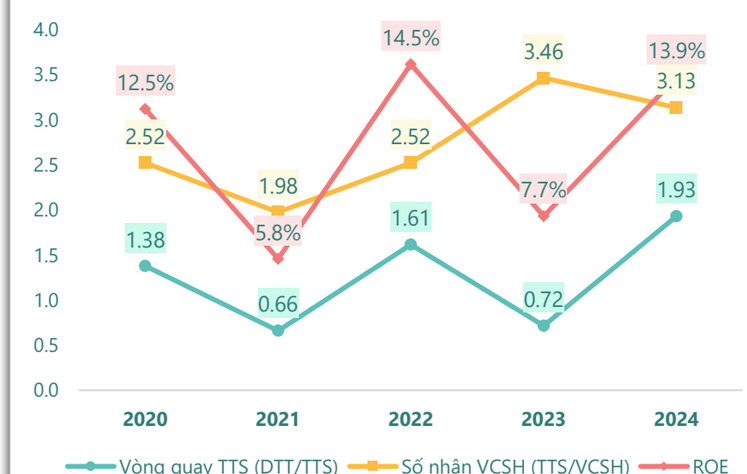
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



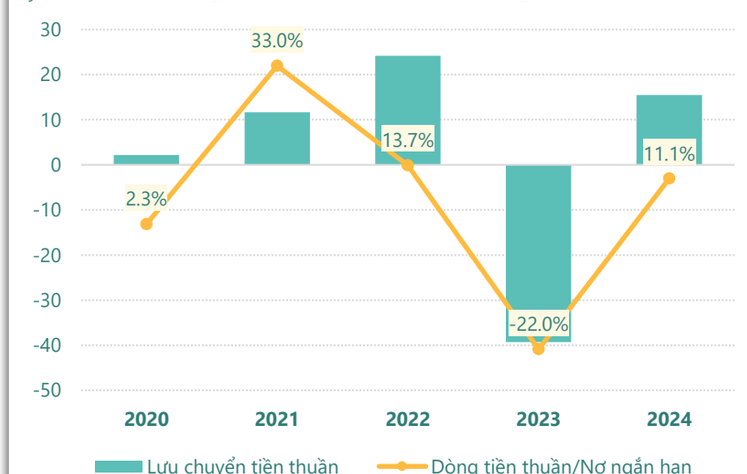
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**48.5**	**44.4**	**9.1%**	**71.4**	**239**	**-70.1%**
Giá vốn hàng bán	43.6	39.0	11.8%	61.5	224	-72.6%
Lợi nhuận gộp	4.84	5.36	-9.7%	9.97	14.6	-31.8%
Doanh thu HĐTC	1.09	2.24	-51.4%	1.24	2.39	-48.1%
Chi phí TC	3.34	1.67	100%	3.34	1.71	96.1%
Chi phí lãi vay	0.10	0.10	0.4%	0.10	0.10	0.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**4.45**	**4.73**	**-5.9%**	**8.87**	**8.95**	**-0.9%**
LN thuần từ HĐKD	-1.87	1.20	-256%	-1.00	6.36	-116%
Lợi nhuận khác	**1.98**	**-0.03**	**6710%**	**1.77**	**-0.05**	**4041%**
LN trước thuế	0.12	1.16	-90.0%	0.77	6.32	-87.8%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.25**	**0.90**	**-128%**	**0.28**	**5.02**	**-94.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.25**	**0.90**	**-128%**	**0.28**	**5.02**	**-94.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	17.0	53.1	-21.4	-5.56	22.7	-61.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.4	10.9	-19.2	2.67	-11.6	13.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.00	0	-3.60	0	0	18.1
Tiền đầu kỳ	29.2	27.8	91.8	47.6	44.7	55.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.41**	**64.0**	**-44.2**	**-2.90**	**11.2**	**-29.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	27.8	91.8	47.6	44.7	55.9	26.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**549**	**217**	**152%**
Tài sản ngắn hạn	539	209	158%
Tiền và tương đương tiền	26.3	44.7	-41.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	82.4	154	-46.4%
Hàng tồn kho	393	10.4	3666%
Tài sản ngắn hạn khác	37.3	0.09	40568%
Tài sản dài hạn	**9.38**	**8.40**	**11.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2.67	2.99	-10.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.38	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	4.90	4.90	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.43**	**0.51**	**-14.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	478	140	242%
Nợ ngắn hạn	**478**	**140**	**242%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	18.1	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	393	80.6	388%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**70.7**	**77.7**	**-9.0%**
Vốn chủ sở hữu	**70.7**	**77.7**	**-9.0%**
Vốn điều lệ	59.9	59.9	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)